

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 9 năm 2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Phần

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

. Ông Phạm Tám

. Ông Hồ Quang Thành

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hồ Thị Hoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông **Phạm Duy Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 147/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **PHAN THỊ TUYẾT N** - sinh năm 1987; trú tại: TDP số 2, thị trấn DK, huyện DK, tỉnh KH. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **NGUYỄN THÀNH Q** - sinh năm 1988; trú tại: Thôn QH 2, xã VT, huyện VN, tỉnh KH. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 10 tháng 6 năm 2022, bản tự khai của đương sự ngày 18/8/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Tuyết N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Thành Q tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2013 và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn DK, huyện DK, tỉnh KH cấp giấy chứng nhận kết hôn số 151/2013, quyền số 01/2013 ngày 11/9/2013. Quá trình chung sống thời gia đầu vợ chồng về sống chung với nhau cũng hòa thuận và hạnh phúc. Đến năm 2018, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, không tôn trọng nhau nên vợ chồng thường xuyên lời qua tiếng lại. Ngoài ra ông Nguyễn Thành Q không quan tâm đến

vợ con, tôi đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, hai bên không còn yêu thương nhau nữa, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau và không thể tiếp tục chung sống với nhau. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Thành Q.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng chúng tôi có 02 (hai) con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 26/4/2012 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 30/11/2013. Hiện nay các con chung đang do tôi nuôi dưỡng và giáo dục. Nay ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ của ai, không ai nợ của vợ chồng.

* Tại bản tự khai của đương sự ngày 31/8/2022 bị đơn ông Nguyễn Thành Q trình bày: Tôi và bà Phan Thị Tuyết N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2013 và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn DK, huyện DK, tỉnh KH cấp giấy chứng nhận kết hôn số 151/2013, quyển số 01/2013 ngày 11/9/2013. Quá trình chung sống thời gia đầu vợ chồng về sống chung với nhau cũng bình thường. Đến năm 2018, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, không tôn trọng nhau. Nay, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, hai bên không còn yêu thương nhau nữa. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Phan Thị Tuyết N.

Về con chung: Vợ chồng chúng tôi có 02 (hai) con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 26/4/2012 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 30/11/2013. Hiện nay các con chung đang do tôi nuôi dưỡng và giáo dục. Khi hôn tôi yêu cầu giao hai con chung cho bà N nuôi dưỡng và giáo dục. Bà N không yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con chung, tôi đồng ý.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ của ai, không ai nợ của vợ chồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phan Thị Tuyết N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành Q - trú tại thôn QH 2, xã VT, huyện VN, tỉnh KH; nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH. Bị đơn ông Nguyễn Thành Q đã có đơn đề nghị Tòa tiến hành xét xử vắng mặt đã được Tòa án nhân dân huyện VN triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại Điều 238 điểm của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thành Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Phan Thị Tuyết N và ông Nguyễn Thành Q tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2013; đã được Ủy ban nhân dân thị trấn DK, huyện DK, tỉnh KH cấp giấy chứng nhận kết hôn số 151/2013, quyền số 01/2013 ngày 11/9/2013. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gia đầu vợ chồng bà N và ông Q về sống chung với nhau cũng hòa thuận và hạnh phúc. Đến năm 2018, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, không tôn trọng nhau. Ngoài ra ông Nguyễn Thành Q không quan tâm đến vợ con, bà N đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, hai bên không còn yêu thương nhau nữa và không thể tiếp tục chung sống với nhau. Vì vậy, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thành Q. Ông Nguyễn Thành Q cũng hoàn toàn nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của bà N. Hội đồng xét xử xét thấy, việc xin ly hôn của bà Phan Thị Tuyết N và ông Nguyễn Thành Q là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và các quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phan Thị Tuyết N và ông Nguyễn Thành Q xác nhận vợ chồng có 02 (hai) con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 26/4/2012 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 30/11/2013. Nay ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Thành Q cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn, phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, nhằm để con chung phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Các cháu Nguyễn Gia H và Nguyễn Gia P đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ và hiện các cháu đang sống ổn định với bà N; nay bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi các con chung và không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, để tránh xáo trộn cuộc sống ổn định lâu nay của các cháu Tòa án căn cứ vào Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà N. Bà N không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Phan Thị Tuyết N và ông Nguyễn Thành Q xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

[6] Về án phí: Bà Phan Thị Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho bà **Phan Thị Tuyết N** được ly hôn với ông **Nguyễn Thành Q**.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cho bà Phan Thị Tuyết N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 26/4/2012 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 30/11/2013. Ông Nguyễn Thành Q tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Bà Phan Thị Tuyết N và ông Nguyễn Thành Q xác nhận vợ chồng không có tài sản chung; không có nợ ai và không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Bà Phan Thị Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003464 ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN; bà Phan Thị Tuyết N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Tuyết N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Nguyễn Thành Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban Nhân dân xã VT, huyện VN, tỉnh KH./.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện VN ;
- Chi cục THA huyệnVN;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân thị trấn DK;
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thành Phần